

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KHOÁI CHÂU
TỈNH HƯNG YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 22/2021/HS-ST

Ngày 09-3-2021

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Huân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Xuân Hòa.

2. Bà Đặng Thị Thêm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Long – Thư ký Tòa án nhân dân Huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Chung – Kiểm sát viên.

Ngày 09-3-2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 09/2021/TLST-HS ngày 22-01-2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/QĐXXST-HS ngày 22-02-2021 đối với:

1. Bị cáo: Nguyễn Văn A, sinh năm 2000; Nơi cư trú: thôn T, xã A, Huyện K, tỉnh Hưng Yên; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 6/12; Con ông Nguyễn Văn B và bà C (quê ở Thái Nguyên nhưng không xác định được họ, tên đệm và địa chỉ cụ thể); Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Chưa có; A bị bắt tạm giữ ngày 30/10/2020 và tạm giam ngày 05/11/2020, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an Huyện Khoái Châu, (có mặt).

2. Người bị hại:

2.1. Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1985;

2.2. Anh Đàm Hữu E, sinh năm 1981;

Đều trú tại: thôn T, xã A, Huyện K, tỉnh Hưng Yên, (*đều có mặt*).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1979; Trú tại: thôn T, xã A, Huyện K, tỉnh Hưng Yên, (*có mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Nguyễn Văn A là công nhân làm thuê cho xưởng cơ khí U của anh Đàm Hữu E, sinh năm 1981 và vợ là Nguyễn Thị D, sinh năm 1985 ở cùng thôn T, xã A, Huyện K. Khoảng đầu tháng 02/2019, A tự ý nghỉ việc. Sau khi nghỉ việc, do thiếu tiền chơi game và tiêu xài cá nhân nên A đã nảy sinh ý định quay lại xưởng cơ khí của anh E để trộm cắp tài sản. Khoảng 00 giờ ngày 28/3/2019, A mượn xe mô tô (không nhớ biển kiểm soát) của anh Nguyễn Hữu G, sinh năm 1990 ở thôn C, xã H, Huyện K (là bạn cùng dãy nhà trọ với A ở thôn T, xã Đ, Huyện K) điều khiển đến xưởng cơ khí nhà anh E. Đến nơi, A dựng xe máy bên cạnh đường rồi đi bộ đến cửa xưởng, A trèo lên cột sắt phía bên phải cửa xưởng mở hộp điều khiển trên cửa cuốn nhấn nút trên hộp điều khiển để mở cửa cuốn (do trước đó A là người trực tiếp lắp cửa cuốn cho anh E nên A biết cách mở không cần chìa khóa). A trèo xuống rồi đi vào trong xưởng, bật cầu dao điện ở gần cửa phụ để ấn nút đóng cửa cuốn xuống từ bên trong. A bật điện sáng trong xưởng và đi tìm chìa khóa để mở cửa phòng kính là phòng của anh E, do A biết trước đây anh E thường để tài sản ở phòng này. A tìm thấy một chùm chìa khóa gồm 3 chìa để ở trên thùng xe ô tô ở trong xưởng, A dùng một chìa để mở cửa phòng của anh E. Thấy trong phòng có một chiếc két sắt, A lấy một chiếc máy cắt bằng kim loại màu xanh, đen (loại cầm tay) có ở trong xưởng rồi cắm vào ổ điện màu vàng dùng máy cắt thủng cạnh bên phải của chiếc két thành ô hình vuông. A thò tay phải vào két sắt lấy được 05 cọc tiền polime mệnh giá 500.000đồng buộc bằng dây chun màu vàng và 03 tờ tiền nước ngoài mệnh giá 100 đô la Mỹ/1 tờ và 01 chiếc điện thoại Samsung đã cũ, hỏng ở ngăn trên của chiếc két sắt. A cầm 05 cọc tiền và 03 tờ tiền nước ngoài vừa lấy được

cho vào túi quần phía trước bên phải, còn chiếc điện thoại A để lại trên mặt bàn trong phòng kính. Sau khi trộm cắp được số tiền trên A tắt điện rồi đi ra bằng cách ấn mở cửa phụ của xưởng, rồi lại ấn nút cửa đóng xuống. A điều khiển xe mô tô đi về phòng trọ tại thôn T, xã Đ kiểm tra số tiền trộm cắp được tổng số 47.000.000đồng đều là tiền mệnh giá 500.000đồng và 03 tờ đô la Mỹ mệnh giá 100 đô la. A sắp xếp quần áo, tiền để vào ba lô. Đến khoảng 05 giờ sáng cùng ngày, A nhờ anh G chở đến khu vực ngã tư vòng xuyên huyện V để A đón xe đi Thái Nguyên. Quá trình bỏ trốn A đã tiêu xài cá nhân hết số tiền trộm cắp. Đến ngày 30/10/2020, A đến Công an Huyện Khoái Châu tự thú.

Ngày 28/3/2019, anh Đàm Hữu E có đơn trình báo Công an Huyện Khoái Châu. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Huyện Khoái Châu đã tiến hành khám nghiệm hiện trường và thu thập tài liệu liên quan, gồm: Vị trí số 01: vết mất bụi dạng đường vân ngón tay (đã chụp ảnh); vị trí số 2: thu 01 chiếc điện thoại Samsung màu đen kích thước (0,15 x 0,075)m, 01 vòng đá màu xanh đường kính (0,07)m; vị trí số 3: 01 máy cắt màu xanh đen nhãn hiệu Trakita dài 0,27m đường kính thân máy 0,065m; vị trí số 04: 01 cây máy vi tính kích thước (0,43 x 0,17x 0,40) nhãn hiệu Goldencom; vị trí số 05: 01 kết sắt kích thước (0,50 x 0,37x 0,81)m, 01 tờ giấy dính mặt bụi màu xanh bên trong kết kích thước (0,215 x 0,145); vị trí số 06: 01 búa kim loại dài 0,22m; 01 ổ cắm điện màu vàng; vị trí số 07: 01 vết mất bụi dạng đường vân ngón tay (đã chụp ảnh); Tại bề mặt kính của bàn phocmeca khu vực vị trí số 02: thu 01 vết mất bụi dạng đường vân ngón tay kích thước (0,015 x 0,03). Ngoài ra, Cơ quan điều tra đã quản lý 03 chiếc chìa khóa màu trắng sáng, trên chìa khóa có chữ Kim Long do anh Đàm Hữu E giao nộp.

Ngày 03/4/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra đã ra quyết định trưng cầu giám định: Dấu vết đường vân thu được tại vị trí số 02 và mẫu so sánh là Phiếu thu nhận thông tin căn cước công dân của Nguyễn Văn A tại Phòng PC06 – Công an tỉnh Hưng Yên đề yêu cầu giám định dấu vết đường vân thu được tại mẫu cần giám định so với mẫu so sánh có phải cùng một người in ra hay không.

Tại bản kết luận giám định số 264 ngày 09/4/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hưng Yên kết luận: Dấu vết vân tay mất bụi trên mặt kính tại bàn làm việc vị trí số 02 và dấu vân tay ở ô ngón cái trong phiếu thu nhận thông tin căn cước công dân của Nguyễn Văn A sinh ngày 09/9/2000 tại thôn T, xã A, huyện K là do cùng một người in ra.

Ngày 12/11/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra đã tiến hành cho Nguyễn Văn A nhận dạng vị trí nơi xảy ra sự việc, công cụ, đồ vật mà A đã sử dụng để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản bằng cách quan sát bản ảnh đã thu thập. A nhận ra và khẳng định: toàn bộ vị trí nơi xảy ra sự việc là xưởng cơ khí của gia đình anh E, các công cụ gồm máy cắt sắt và ổ cắm điện là những công cụ mà A đã sử dụng cắt phá kết sắt để trộm cắp tài sản.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Văn A đã thừa nhận toàn bộ diễn biến hành vi phạm tội như đã nêu ở trên, khẳng định đã trộm cắp số tiền 47.000.000đồng và 03 tờ đô la Mỹ mệnh giá 100 đô la.

Ngày 02/11/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra đã có công văn đề nghị Ngân hàng A chi nhánh Huyện Khoái Châu cung cấp thông tin tài liệu liên quan đến tỷ giá USD đối với 03 tờ đô la Mỹ tại thời điểm ngày 28/3/2019. Ngày 03/11/2020 Ngân hàng có công văn trả lời: tỷ giá USD ngày 28/3/2019 là 23,157 (áp dụng đối với tỷ giá mua ngoại tệ). Giá trị thành tiền (Việt Nam): $300\text{USD} \times 23,157 = 6,947,100\text{đồng}$. Như vậy tổng số tiền mà A đã trộm cắp tại xưởng cơ khí của gia đình anh Đàm Hữu E là 53.947.100đồng.

Ngày 28/12/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại cho anh Đàm Hữu E 01 điện thoại Samsung màu đen đã qua sử dụng, 01 vòng đã màu xanh bị vỡ, 01 máy cắt màu xanh đen nhãn hiệu Trakita, 01 cây máy vi tính màu đen, 01 chiếc kết sắt đã qua sử dụng bị cắt thủng ở cạnh bên phải, 01 chiếc búa bằng kim loại, đã qua sử dụng, 01 ổ cắm điện màu vàng đã qua sử dụng, 03 chiếc chìa khóa màu trắng sáng.

Về trách nhiệm dân sự: Anh E và vợ là chị D yêu cầu Nguyễn Văn A phải bồi thường cho anh chị tổng số tiền 53.947.100đồng là số tiền mà A đã trộm cắp. Đối với chiếc kết sắt bị A cắt phá để lấy tài sản, do chiếc kết đã cũ, anh E,

chị D đã mua từ lâu với giá khoảng 1.000.000đồng, đến thời điểm bị cắt phá giá trị chiếc két không đáng kể nên anh E và chị D không yêu cầu xem xét định giá và cũng không yêu cầu bồi thường gì, do đó Cơ quan điều tra không xem xét xử lý.

Cáo trạng số 17/CT-VKSKC ngày 22-01-2021 của Viện Kiểm sát nhân dân Huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên truy tố Nguyễn Văn A về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo Nguyễn Văn A thành khẩn nhận tội và khai báo diễn biến hành vi phạm tội như hành vi của bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân Huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên truy tố trong bản cáo trạng.

- Người bị hại (anh E, chị D) trình bày: Vợ chồng anh chị bị mất trộm tổng số tiền là 53.947.100đ. Nay ông B (bố đẻ bị cáo A) đã tự nguyện trả lại cho vợ chồng anh chị số tiền là 3.000.000đ, số tiền còn lại là 50.947.100đ, anh E và chị D không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết trong vụ án này mà xin để vợ chồng anh chị với gia đình bị cáo tự giải quyết với nhau; anh E, chị D xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (anh Nghĩa) trình bày: anh đã tự nguyện bồi thường thay cho bị cáo A, trả vợ chồng anh E số tiền là 3.000.000đ, anh không yêu cầu bị cáo A phải trả lại cho anh số tiền nói trên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân giữ nguyên quyết định truy tố đối với Nguyễn Văn A và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên xử Nguyễn Văn A phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”; áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s, r khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt Nguyễn Văn A từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày A bị bắt tạm giữ, tạm giam 30/10/2020; Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với A; Về dân sự, người bị hại không yêu cầu đặt ra giải quyết trong vụ án này nên không đặt ra giải quyết, khi nào vợ chồng anh E có yêu cầu sẽ giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức được lỗi lầm của mình, ăn năn hối cải và xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào chứng cứ và tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Huyện Khoái Châu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Huyện Khoái Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan xuất trình tài liệu, chứng cứ phù hợp với quy định của pháp luật; Bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp khách quan với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và được chứng minh bằng các chứng cứ khác như: Lời khai của người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên; Đơn trình báo; Báo cáo vụ việc; Bản khám nghiệm hiện trường; Sơ đồ hiện trường; Bản ảnh hiện trường cùng các tài liệu chứng cứ khác, thể hiện: Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 28-3-2019, Nguyễn Văn A đã có hành vi sử dụng máy cắt, phá két sắt trộm cắp số tiền là 47.000.000đ và 03 tờ đô la Mỹ có mệnh giá 100 đô la/01 tờ của gia đình anh Đàm Hữu E, sinh năm 1981 ở thôn T, xã A, Huyện K, tỉnh Hưng Yên. Tổng giá trị tài sản A đã trộm cắp là 53.947.100đ (*Năm mươi ba triệu chín trăm bốn mươi bảy nghìn một trăm đồng*). Với hành vi nêu trên của Nguyễn Văn A đã phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân Huyện Khoái Châu đã truy tố Nguyễn Văn A theo tội danh và

điều luật áp dụng được thể hiện trong Cáo trạng số 17/CT-VKSKC ngày 22-01-2021 là có căn cứ.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân, gây mất trật tự trị an xã hội, gây tâm lý lo lắng trong quần chúng nhân dân. Bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi của mình nhưng cố ý phạm tội, thể hiện bị cáo không chịu rèn luyện bản thân nên cần xử lý nghiêm.

[3]. Đánh giá các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân, của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

Về nhân thân: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, nhất thời phạm tội.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã ra tự thú; Người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, cần cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s,r khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, với đặc điểm nhân thân cùng tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đã phân tích, thấy cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đảm bảo việc giáo dục, cải tạo bị cáo nói riêng và phòng chống tội phạm nói chung.

[4]. Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự quy định “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*”, do đó bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo lao động tự do, không có thu nhập, không có tài sản riêng. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Tài sản do A trộm cắp là 53.947.100đ (*Năm mươi ba triệu chín trăm bốn mươi bảy nghìn một trăm đồng*). Quá trình giải quyết vụ án, bố đẻ bị cáo A đã tự nguyện bồi thường thay bị cáo A, trả lại cho người bị hại là anh E và chị D số tiền là 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*), số tiền còn lại là 50.947.100đ (*Năm mươi triệu, bốn trăm chín mươi bảy nghìn một trăm đồng*). Tại phiên tòa, anh E và chị D cùng với gia đình bị cáo xin được tự giải quyết với nhau mà không yêu cầu Hội đồng xét xử đặt ra xem xét giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết, sau nếu anh E, chị D có yêu cầu phải làm đơn đề nghị giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[6]. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn A phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án.

[7]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo; người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s, r khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

1. **Tuyên bố:** Nguyễn Văn A phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt Nguyễn Văn A 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày Nguyễn Văn A bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 30-10-2020).

2. **Về hình phạt bổ sung:** Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. **Về trách nhiệm dân sự:** Không đặt ra giải quyết; sau nếu anh E, chị D có yêu cầu phải làm đơn đề nghị giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

4. **Về án phí:** Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Văn A phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí Hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015. Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 kể từ ngày tuyên án (ngày 09-3-2021).

Nơi nhận:

- VKS, Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- VKS, Công an Huyện Khoái Châu;
- Chi cục THADS Huyện Khoái Châu;
- Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi liên quan;
- UBND xã: An Vĩ;
- Lưu hồ sơ vụ án, VPTA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Huấn